

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1 NGÔN NGỮ, MỘT NĂNG LỰC CĂN BẢN CỦA CON NGƯỜI..... 3

- 1 Con người, một động vật biết nói 4
- 2 Ngôn ngữ, ngữ và ngôn 7
- 3 Tại sao cần phải giao tiếp? 12
- 📖 **Câu chuyện minh họa** Kinh thánh, Sáng thế kí, Tháp Babel 12
- 4 Động vật có nói chuyện không? 16

CHƯƠNG 2 NGÔN NGỮ CÓ THỂ DIỄN ĐẠT ĐƯỢC ĐẦY ĐỦ SUY NGHĨ CỦA CHÚNG TA KHÔNG? 19

- 1 Tại sao không phải lúc nào chúng ta cũng tìm được đúng từ để diễn đạt những gì muốn nói? 20
- 2 Chính là trong những từ ngữ mà chúng ta suy nghĩ 24
- 📖 **Câu chuyện minh họa** Thảo luận với Hegel 24
- 3 Ta có thể suy nghĩ bên ngoài ngôn ngữ của mình không? 26

CHƯƠNG 3 NGÔN TỪ CÓ SỨC MẠNH KHÔNG? 29

- 1 Lời nói gió bay? 30
- 2 Hùng biện, một nghệ thuật toàn năng 31
- 3 Những nguy hiểm của thuật hùng biện 35
- 📖 **Câu chuyện minh họa** Gorgias của Plato 35
- 4 Talking cure - Chữa bệnh bằng lời nói 40
- 📖 **Câu chuyện minh họa** Năm bài giảng về phân tâm học của Sigmund Freud - Trường hợp Anna O 42
- 5 Nói tức là làm 43
- 6 Chúng ta có thể phản đối những bài diễn văn hận thù và những lời sỉ nhục gây tổn thương không? 45

CHƯƠNG 1

NGÔN NGỮ, MỘT NĂNG LỰC CĂN BẢN CỦA CON NGƯỜI

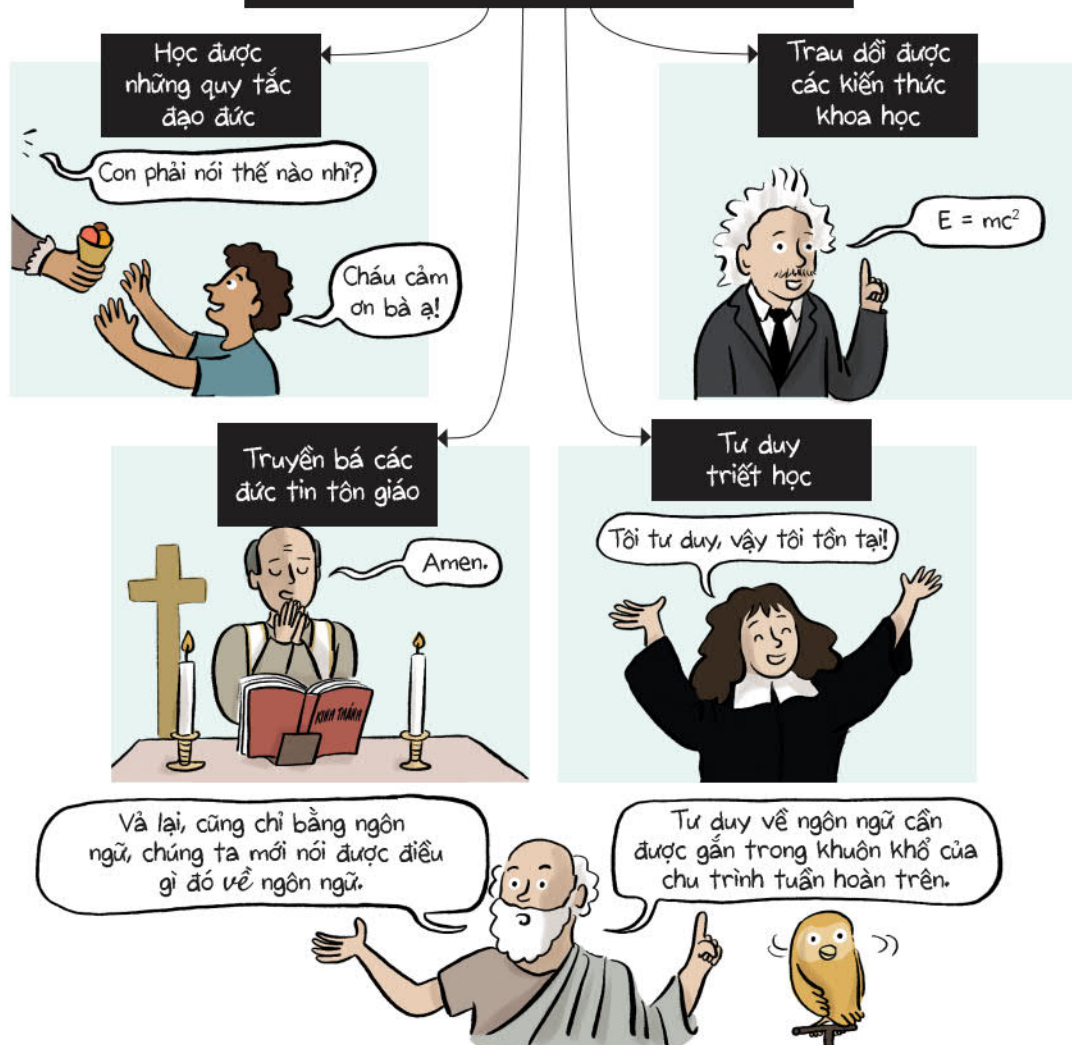


1 CON NGƯỜI, MỘT ĐỘNG VẬT BIẾT NÓI



[TIÊU ĐIỂM Định nghĩa] *Năng lực là khả năng làm được việc gì đó.

Nhờ vào ngôn ngữ mà ta có thể:



Hơn nữa, khi *trẻ em** tiếp cận với ngôn ngữ, chúng được mở mang *văn hóa*, có nghĩa là được mở mang với toàn bộ những giá trị và tri thức giúp chúng trở thành con người có *tri tuệ* và có *đạo đức*.

[TIÊU ĐIỂM từ nguyên học]

Trong tiếng Pháp, từ *trẻ em* (enfant)* có nguồn gốc từ tiếng Latinh *infans* theo nghĩa đen là "người không biết nói".



➔ Ngôn ngữ mở ra một chiều kích tồn tại vốn không có sẵn trong bản chất sinh học của con người.

ARISTOTLE
(348-322 TCN)
Chính trị
(Thế kỉ 4 TCN)



Duy nhất trong các loài động vật, chỉ con người có *logos* mà thôi.

Trong tiếng Hy Lạp, từ *logos* có nghĩa đồng thời là:

Lời nói

Khả năng phát âm từ ngữ, kết nối các câu lại với nhau và tạo thành một diễn ngôn.

Tư duy

Khả năng lí luận, xây dựng những suy nghĩ tổng thể mạch lạc và trừu tượng.



Nhưng những tiếng kêu này chỉ dùng để truyền đạt những cảm giác được cảm nhận trong những trường hợp cụ thể, tại chỗ và tức thời.



MEO MEO!

"Tôi đói và tôi muốn ăn ngay bây giờ!"

Nó cho phép biểu đạt những giá trị chung hay những quan niệm trừu tượng.

Có vẻ hơi đắt hơn so với chỗ chúng ta hay ăn.

Vì họ sử dụng nguyên liệu hữu cơ, em xem thực đơn đi.



Ngôn từ

nếu vậy còn hơn cả một "công cụ giao tiếp" để cảnh báo cảm nhận tức thời. Nó cho phép trao đổi và đưa ra những giá trị chung, nó thậm chí còn làm nền tảng cho sự nghiệp chính trị.



Ngôn ngữ cho phép chúng ta diễn đạt những suy nghĩ độc lập khỏi tính trực tiếp về không-thời gian mà chúng ta trải nghiệm.

Em thấy có một quán ăn mới mở trong khu, hôm nào đó mình thử nhé?

Được đấy!



Như vậy chúng ta có thể thảo luận xem cái gì là tốt hay xấu, hoặc tranh luận về chủ đề đúng hay sai, vào bất cứ lúc nào và bất cứ nơi đâu.

Anh ăn mì chay đấy à?

Tất nhiên rồi, vì anh không muốn phải chịu trách nhiệm về sự đau đớn của động vật.



Chính vì lý do này mà con người với tư cách là một loài động vật biết nói, lại đồng thời còn là một loài động vật biết làm chính trị.



2 NGÔN NGỮ, NGỮ VÀ NGÔN

Ferdinand
DE SAUSSURE
(1857-1913)
Giáo trình ngôn ngữ
học đại cương
(1916)



Ferdinand de Saussure, nhìn chung, được coi là cha đẻ của **Ngôn ngữ học**, tức là **khoa học về ngôn ngữ**.

Ông đã định nghĩa một số khái niệm chìa khóa, khởi đầu từ việc xác định những gì cấu thành ngôn ngữ:

ngữ và **ngôn** (lời nói).

Ngữ là một bộ phận cấu thành của ngôn ngữ. Nó là tổng hợp những quy ước cần thiết được xã hội công nhận cho phép các thành viên thể hiện bản thân và giao tiếp với nhau.



Ngôn là phần đặc thù mang tính cá nhân của tiếng nói, là cách người nói sử dụng ngữ.



Nhưng ngữ lại không tồn tại độc lập với ngôn (lời nói).

Ngữ là một kho tàng được hình thành do việc thực hành ngôn. Nó được hình thành trong quá trình và thông qua việc sử dụng của mỗi người.



Ngược lại, ngôn ngữ tồn tại độc lập với ngữ.

Người nói không bao giờ là tác giả của ngữ mình sử dụng. Người nói chỉ có thể diễn đạt bằng ngữ ngữ đã tồn tại sẵn.



Thế nên, khi Saussure nghiên cứu về ngữ ngữ, ông không chú tâm đến sự hình thành hay sự tiến hóa của nó qua thời gian, như cách mà những bậc tiền bối của ông từng làm.



Ông không đề xuất việc nghiên cứu *tính lịch đại**, mà là *sự đồng đại** của ngữ ngữ, việc này gắn với sự *tương quan* giữa những yếu tố cấu thành nên ngữ ngữ, tại một thời điểm nhất định trong lịch sử.



Saussure là người khởi xướng ra việc phân tích *cấu trúc* của ngữ ngữ, tức là nghiên cứu ngữ ngữ từ góc độ cấu trúc của nó.

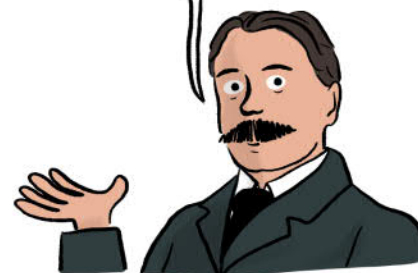


[TIÊU ĐIỂM] Định nghĩa

* *Lịch đại*: là nghiên cứu các hiện tượng theo sự phát triển dọc thời gian.

* *Đồng đại*: là nghiên cứu các hiện tượng tại cùng một thời điểm.

Ngôn ngữ được thể hiện như một hệ thống các *kí hiệu ngữ ngữ học*.



Kí hiệu ngữ ngữ là một âm thanh gắn với một ý niệm hoặc, nói cách khác, gắn với là một *hình ảnh âm học* (một âm thanh mà người ta có thể thậm chí phát âm trong tâm trí) gắn liền với *nhận thức*.



Điều quan trọng không phải là quy trình *sinh lí* (loài vật cũng phát ra những tiếng kêu); cũng không phải là quy trình *vật lí* (không phải mọi âm thanh đều là kí hiệu).



Một kí hiệu ngữ ngữ là một thực thể tâm lí gồm hai mặt: nhận thức và hình ảnh âm học.

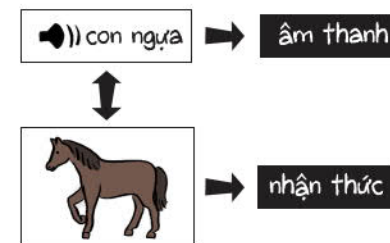


Một *kí hiệu*, theo cách tổng quan, là một yếu tố vật chất (âm thanh, hình ảnh,...) có thể truyền tải một ý nghĩa khác nữa ngoài chính bản thân nó.

Ví dụ:
khói là
dấu hiệu
của lửa.



Âm thanh: "con ngựa" tương ứng với ý niệm về con ngựa.



Điều quan trọng, đó là một quy trình *tâm lí*, gắn bó mật thiết với nhận thức và hình ảnh âm học, có nghĩa là tư duy về một ý nghĩa và biểu đạt tâm lí của âm thanh.

Nói cách khác đó là: cái được biểu đạt và cái biểu đạt.

